

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC III  
PGS, TS Đoàn Triệu Long - TS Phạm Văn Hồ  
(Đồng chủ biên)

**HIỆP ĐỊNH PARIS**  
**VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH,**  
**LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM**  
***THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM***  
(Sách chuyên khảo)

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Còn H.Kissinger thì cho rằng: “Chúng ta đã tập hợp những lực lượng dày đặc để làm cho đối phương yếu đi nếu Hà Nội từ chối đàm phán. Chúng ta đang chia rẽ Hà Nội với các nước đồng minh của họ”<sup>1</sup>. Trong phiên họp ngay sau chuyến đi cùng Nixon thăm Trung Quốc và Liên Xô, Kissinger trong cuộc gặp riêng với đồng chí Lê Đức Thọ đã nêu câu hỏi thăm dò: “Ngài có vấn qua Bắc Kinh và Moscow chắc có nghe các bạn của Ngài thông báo về ý kiến chúng tôi trong cuộc đàm phán này?”. Đồng chí Lê Đức Thọ trả lời ngay: “Chúng tôi chiến đấu chống lại quân đội của các ông trên chiến trường và cũng chính chúng tôi đã đàm phán với các ông trên bàn hội nghị. Các bạn của chúng tôi hết lòng ủng hộ chúng tôi nhưng không làm thay chúng tôi được!”<sup>2</sup>.

Sau Tổng tấn công Xuân - Hè năm 1972, thời cơ tới, ta quyết định đi vào đàm phán thực chất. Suốt cuộc đàm phán, ta phát huy được độc lập, tự chủ là do có đường lối đúng, ta tự điều hành chiến tranh, tự điều hành đàm phán, không để một sức ép bên ngoài nào tác động.

---

<sup>1</sup> Vũ Dương Ninh: *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2015, tr.133.

<sup>2</sup> Bộ Ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, tr.154.

## **CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG TRỊ VỚI TIẾN TRÌNH HỘI NGHỊ PARIS (1968-1973)**

*PGS, TS Hoàng Chí Hiếu \**  
*PGS, TS Trương Công Huỳnh Kỳ\*\**

**T**rong thời kỳ 1954-1975, Quảng Trị là địa phương chứng kiến nổi đau chia cắt đất nước và cũng là nơi diễn ra cuộc đụng đầu quyết liệt nhất giữa dân tộc Việt Nam với quân viễn chinh Mỹ, đặc biệt là trong những năm 1966-1972. Đây cũng là giai đoạn mà Hội nghị Paris (1968-1973) được tiến hành. Do vậy, nhiều diễn biến trên chiến trường này có tác động sâu sắc đến tiến trình của cuộc đàm phán.

### **1. Về sự liên hệ giữa chiến trường Quảng Trị với Hội nghị Paris**

Vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, nhân dân Việt Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp (1945-1954). Với Hiệp định Genève (21-7-1954), nền độc lập và thống nhất Việt Nam được các nước tham dự Hội nghị cam kết công nhận. Để đảm bảo chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình và đặt cơ sở cho cuộc tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước vào tháng 7-1956, giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự được thiết lập tại vĩ tuyến 17. Với quy định này, phần lớn huyện Vĩnh Linh ở phía Bắc sông Hiền Lương được giải phóng,

---

<sup>\*,\*\*</sup> Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế.

tiên lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong khi phần còn lại của tỉnh Quảng Trị nằm dưới sự quản lý của quân đội Liên hiệp Pháp (sau là Mỹ và Việt Nam Cộng hòa). Quảng Trị trở thành nơi chứng kiến sự chia cắt đất nước trong thời kỳ 1954-1975 - nơi tồn tại cùng lúc hai chế độ chính trị - xã hội đối nghịch và đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phía Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở phía Nam vĩ tuyến 17.

Như vậy, ngay từ sau Hiệp định Genève, việc giải quyết vấn đề thống nhất đất nước đã liên quan trực tiếp đến Quảng Trị. Mọi giải pháp chính trị và ngoại giao đều phải dựa trên nguyên tắc “giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay về lãnh thổ”<sup>1</sup>. Chỉ khi ranh giới chia cắt đất nước tại sông Hiền Lương - vĩ tuyến 17 được xóa bỏ thì sự nghiệp thống nhất quốc gia mới hoàn thành. Do đó, bất kỳ cuộc đàm phán hay hội nghị quốc tế nào (nếu có) đều phải kế thừa những nội dung đã được vạch ra tại Hội nghị Genève, mà trong đó phải giải quyết cho được tình trạng chia cắt đất nước tại Quảng Trị. Những diễn biến chính của cuộc đàm phán Paris (1968-1973) không nằm ngoài yêu cầu đó.

## 2. “Vấn đề Quảng Trị” trong những phiên họp đầu tiên của Hội nghị Paris

Để hòa bình thống nhất đất nước, Chính phủ Việt Nam Dân

---

<sup>1</sup> Khoản 6 của Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève, Bộ Ngoại giao: *Hiệp định Genève 50 năm nhìn lại (Sách tham khảo)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2008, tr.313-314.

chủ Cộng hòa đã nhiều lần ra tuyên bố và gửi công hàm kêu gọi Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử (Tuyên bố ngày 04-02-1955, ngày 06-6-1955; Công hàm ngày 19-7-1955, ngày 11-5-1956, ngày 18-7-1957, ngày 07-3-1958, ngày 22-12-1958...). Không những không đáp ứng, chính quyền Sài Gòn đàn áp tất cả những cuộc đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước của nhân dân miền Nam và còn triển khai “quốc sách” tố Cộng tàn bạo, gây cho lực lượng cách mạng những tổn thất nghiêm trọng. Đi xa hơn, ý tưởng “lấp sông Bến Hải, Bắc tiến” luôn ám ảnh Ngô Đình Diệm và những chính quyền kế tiếp. Khu phi quân sự Nam và vùng phụ cận bị Mỹ và Việt Nam Cộng hòa biến thành căn cứ lực - không quân hỗn hợp mạnh, một bàn đạp để “Bắc tiến”<sup>1</sup>. Chính quyền Sài Gòn tích cực tung gián điệp biệt kích ra miền Bắc nhằm thu thập tin tức, hòng gây nên “cuộc chiến trong lòng cộng sản” để làm suy yếu miền Bắc, khiến miền Bắc không chỉ viện được cho cách mạng miền Nam, từ đó có thể đưa chiến tranh trên bộ ra phía Nam Quân khu IV.

Tháng 6-1966, Trung ương chủ trương mở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (B-5) nhằm tạo nên hướng tiến công quan trọng, kéo giãn lực lượng chủ lực Mỹ ra chiến trường rừng núi. Phối hợp với mặt trận B-5, pháo binh từ đất Vĩnh Linh thường xuyên bắn vào các căn cứ của Việt Nam cộng hòa ở phía Nam giới tuyến. Chính Tỉnh trưởng Quảng Trị phải thừa nhận: “Từ hạ tuần tháng 3-1967, Việt cộng đã liên tục pháo kích vào căn cứ quân sự và hành chánh của ta tại hai quận Gio Linh và Trung Lương, uy hiếp

---

<sup>1</sup> Hoàng Chí Hiếu: *Khu phi quân sự - vĩ tuyến 17 (1954-1967)*, Nxb. Quân đội nhân dân, H.2017, tr.110-112.

cảnh sát Bến Hải khiến cho đơn vị này phải bỏ trống đồn trại rút khỏi vùng giới tuyến”<sup>1</sup>. Trước sức tấn công của quân Giải phóng, lần lượt các cứ điểm trên Đường 9 của địch thất thủ. Nhằm “hàn kín” tuyến phòng thủ “thép” đang đứng trước nguy cơ bị sụp đổ, quân Mỹ được điều động ra chiến trường Bắc Quảng Trị, tiến tới thiết lập “hàng rào điện tử Mc Namara”. Chiến trường Quảng Trị trở thành nơi đụng đầu ác liệt nhất giữa cách mạng với đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Do đó, những diễn biến trên chiến trường này sẽ có những tác động quan trọng đến mặt trận ngoại giao vừa được manh nha hình thành từ Hội nghị Trung ương 13 đầu năm 1967.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, mở đầu bằng trận nghi binh chiến lược Khe Sanh của quân và dân ta đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán Paris. Với âm mưu xem miền Nam Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền, Mỹ muốn ta phải có đi có lại. Trong những phiên họp đầu tiên (từ ngày 13-5 đến ngày 12-6-1968), các nhà đàm phán Mỹ liên tục đòi khôi phục khu phi quân sự, đòi ta ngừng bắn pháo qua giới tuyến vào các căn cứ trên “hàng rào điện tử Mc Namara” và đối phương xem đây là điều kiện cần trước khi đi đến thảo luận những vấn đề khác. Kết hợp, chính quyền Sài Gòn vạch ra đề án tái lập khu phi quân sự, trong đó nhắm đến các mục đích ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam, đặt cơ sở đầu tiên cho việc giải quyết các vấn đề khác (ngừng bắn, rút quân, trao đổi tù binh, lập lại hòa bình), trở lại thực hiện Hiệp định Genève và

---

<sup>1</sup> Tỉnh trưởng Quảng Trị: *Tờ trình Nguyễn đế*, tháng 4-1967, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu PTT 360.

xem khu phi quân sự là vùng đệm ngăn cách hai miền và phân chia lực lượng quân sự hai bên<sup>1</sup>; thậm chí họ còn đề xuất giải pháp đưa quân đội quốc tế vào đóng ở khu phi quân sự để đảm bảo ngăn cách lực lượng hai bên, kéo dài đường khu phi quân sự trên biển ra đến hải phận quốc tế và thực hiện Hiệp định Genève 1962 về nền trung lập của Lào nhằm tránh ta lợi dụng xâm nhập vào Nam qua ngả Lào<sup>2</sup>.

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lập luận: Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam, Mỹ đưa quân vào bằng đường thủy, đường không, Mỹ vi phạm toàn bộ Hiệp định Genève, trong đó có khu phi quân sự. Mỹ đòi khôi phục quy chế khu phi quân sự chỉ là nhằm che dấu nguồn gốc cuộc chiến tranh, làm như chiến tranh bắt nguồn từ khu phi quân sự. Việc giải quyết vấn đề khu phi quân sự không thể tách rời vấn đề cơ bản là Mỹ chấm dứt xâm lược, rút hết quân Mỹ khỏi miền Nam. Từ đó, Mỹ không còn lợi dụng vấn đề khu phi quân sự để phản kích ta như trước<sup>3</sup>.

Khi cuộc đàm phán vẫn còn chưa có đột phá, do những sự khác biệt về lập trường trong việc xác định Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn, không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì từ giữa năm 1968, tình hình trên chiến trường diễn biến bất lợi cho đối phương. Nỗ lực ném bom ngăn chặn dòng chi viện từ miền Bắc vào miền Nam không đem lại kết quả như ý muốn. Tại Quảng Trị,

---

<sup>1, 2</sup> Trường Cao đẳng Quốc phòng Thủ Đức: (1969), *Vấn đề tái lập vùng phi quân sự*, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu Đệ II CH, 302/1969, tr.2-3, 15.

<sup>3</sup> Nguyễn Đình Bin (Chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, tr. 225.

áp lực của quân Giải phóng tại mặt trận Khe Sanh - một “Điện Biên Phủ” với Mỹ không ngừng tăng. Ngày 09-7-1968, lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, một tập đoàn cứ điểm mạnh hàng đầu của Mỹ ở miền Nam bị thất thủ. Nỗ lực cao nhất của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” hoàn toàn phá sản, buộc Nhà Trắng phải xuống thang trong đàm phán. Giữa tháng 7-1968, phía Mỹ thay khái niệm “tạo ra hoàn cảnh” để chấm dứt ném bom hoàn toàn bằng khái niệm “cho biết điều gì xảy ra sau khi chấm dứt ném bom”<sup>1</sup>. Tuy từ bỏ khái niệm “có đi có lại” bằng công thức “tạo ra hoàn cảnh” nhưng ý đồ của Washington đối với miền Nam Việt Nam vẫn không thay đổi. Song tình thế chiến trường và cuộc bầu cử cận kề buộc Nhà Trắng phải tính tới việc đơn phương chấm dứt ném bom miền Bắc, tiến đến giải quyết cả gói vấn đề Việt Nam. Những cuộc tiếp xúc nửa cuối tháng 10-1968 mang lại kết quả: Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc (từ 01-11-1968), chấp nhận đàm phán bốn bên (có sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam).

### **3. Hội nghị dẫm chân tại chỗ khi tình thế chiến trường chưa ngã ngũ (1969-1972)**

Từ sau Mậu Thân 1968, tình thế trên chiến trường có những diễn biến bất lợi cho lực lượng cách mạng. Ở nhiều nơi, vùng giải phóng bị thu hẹp, lực lượng chủ lực không còn địa bàn hoạt động, thậm chí phải rút qua Lào hoặc Campuchia, thậm chí là “tập kết ngược” ra Bắc. Tình thế đó khiến cuộc đàm phán hầu như dậm

<sup>1</sup> Xem Nguyễn Thành Lê: *Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973)*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, tr.23.

chân tại chỗ, thậm chí nhiều lúc bế tắc bởi “các đại biểu ngồi ở đây nhưng cái hy vọng chính của họ là ở chiến trường”<sup>1</sup>. Riêng tại Quảng Trị, từ tháng 4-1968, để trút bớt gánh nặng sang Việt Nam Cộng hòa, Lầu Năm góc chuyển giao một số vị trí trên “hàng rào điện tử Mc Namara” cho quân đội Sài Gòn để quân Mỹ “rảnh tay” cơ động trên chiến trường. Từ giữa năm 1969, khi triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Quảng Trị là nơi mà Mỹ rút quân trong đợt đầu tiên (từ ngày 8-7 đến ngày 31-8-1969) và hoàn thành sớm nhất. Đến tháng 11-1969, toàn bộ Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ cùng các đơn vị yểm trợ hoàn toàn rút khỏi chiến trường Quảng Trị ngay sau đợt 2 (diễn ra từ ngày 1-9 đến 15-12-1969)<sup>2</sup>. Từ chỗ có mật độ tập trung cao nhất trên toàn bộ chiến trường miền Nam Việt Nam vào giữa năm 1968<sup>3</sup>, chỉ trong chưa đầy nửa cuối năm 1969, quá trình triệt thoái quân Mỹ ở Quảng Trị hoàn tất. Sự việc này phản ánh một thực tế rằng, giới chức Mỹ và Việt Nam Cộng hòa đều tin tưởng quân đội Sài Gòn hoàn toàn có thể đảm đương được nhiệm vụ chiến đấu trên chiến trường trọng điểm này. Dựa trên hệ thống phòng ngự kiên cố và những phương tiện chiến tranh cùng vũ khí hiện đại được chuyển giao, dưới sự yểm trợ của hỏa lực Mỹ, trên thực tế, trong

<sup>1</sup> Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ, *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2012, tr.368.

<sup>2</sup> Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa: *Công văn số 12.064/QP/HQNL*, ngày 26-11-1969, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17.492.

<sup>3</sup> Lúc cao điểm, quân Mỹ trên chiến trường Đường 9 - Bắc Quảng Trị có Sư đoàn 1 và Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến, quân tăng viện của Sư đoàn 1 kỹ binh bay, Sư đoàn dù 101 cùng các đơn vị yểm trợ. Trên toàn chiến trường Trị - Thiên có 25 tiểu đoàn (chiếm hơn 1/3 lực lượng cơ động của Mỹ), trong đó riêng ở Đường 9 và Quảng Trị có tới 19 tiểu đoàn (chiếm tới 76%).

năm 1970, quân đội Sài Gòn gần như “làm chủ” chiến trường Quảng Trị<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh đó, việc có được bước đột phá trên bàn đàm phán là bất khả thi. Dù không có kết quả nhưng việc Hội nghị Paris vẫn được duy trì mà không bị cắt đứt là kết quả của nỗ lực lớn của ta, nhất là khi tình thế chiến trường bất lợi.

Qua năm 1971, cuộc hành quân lớn nhất thử nghiệm cho “Việt Nam hóa chiến tranh” - Lam Sơn-719 đánh ra khu vực Đường 9 - Nam Lào ngoài những mục đích chiến lược còn thể hiện “sự tự tin” của giới chức Mỹ và Sài Gòn trên chiến trường mà đối phương có nhiều lợi thế. Tuy nhiên, sự thất bại của Lam Sơn-719 “khẳng định rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa dốt khoát kém hơn Quân đội nhân dân Việt Nam”<sup>2</sup>. Do đó, phát huy thắng lợi của chiến thắng Đường 9 - Nam Lào nói riêng và những thắng lợi quân sự trong nửa cuối năm 1971, ta liên tục mở các đợt tấn công ngoại giao nhằm đưa cuộc đàm phán đi vào thực chất, phản ánh đúng những diễn biến trên chiến trường đang có lợi và kiên quyết đánh bại âm mưu Mỹ muốn hạ thấp vai trò của hội nghị và nhất là khi ngày 15-7-1971, Nixon tuyên bố sẽ đi thăm Trung Quốc vào trước tháng 5-1972. Phái đoàn ta đã đưa ra Sáng kiến hòa bình 9 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (26-6-1971), tập trung vào các vấn đề như Mỹ rút quân, thả tù binh, chấm dứt ủng

hộ chính phủ Thiệu - Kỳ - Khiêm, bồi thường chiến tranh, thực hiện ngừng bắn sau khi ký hiệp định... Trước thế khó trên chiến trường và các đòn tấn công ngoại giao của ta, dù chưa chấp nhận nhưng phía Mỹ đã có những dấu hiệu thay đổi lập trường, như không nhắc lại vấn đề quân miền Bắc rút khỏi miền Nam, đồng ý ngừng bắn sau khi có hiệp định, gán việc giải quyết vấn đề tù binh đồng thời với việc rút quân và hé lộ việc sẽ có viện trợ không hoàn lại sau chiến tranh... Như vậy, dù chưa đi đến giải pháp nhưng rõ ràng, sự cải thiện tình thế chiến trường của ta sau chiến thắng Đường 9 - Nam Lào đã góp phần để hai bên đàm phán có lập trường xích lại gần nhau hơn.

Nhằm tạo nên bước chuyển mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trên cơ sở nắm bắt sát diễn biến thực tế, sự chuẩn bị lực lượng và dự báo xu thế phát triển của tình hình, ngày 11-3-1972, Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định lấy Trị - Thiên từ vị trí là hướng phối hợp quan trọng chuyển thành hướng chiến lược chủ yếu trong năm 1972 thay cho hướng Đông Nam Bộ. Thực hiện chủ trương chiến lược đó, ngày 30-3-1972, đòn tiến công giải phóng Quảng Trị diễn ra (tiếp theo là mặt trận Bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ). Trong những ngày đầu tiên của cuộc tiến công giải phóng Quảng Trị, tuyến phòng thủ vòng ngoài của quân đội Sài Gòn nhanh chóng sụp đổ. Ngày 02-4-1972, phía Mỹ báo cho ta biết họ sẽ họp lại phiên toàn thể ở Kléber vào ngày 13-4, nhưng đến ngày 17-4, một ngày sau khi Mỹ dùng B-52 ném bom Vinh, đoàn Mỹ lại hoãn phiên họp công khai đến ngày 20-4 để phản đối ta tiếp tục tấn công qua khu phi quân sự, vi phạm quy chế khu phi quân sự. Lúc này, trên chiến trường Quảng Trị, sau thắng lợi nhanh chóng của đợt tấn công thứ nhất (Bão táp 1),

<sup>1</sup> Hoàng Chí Hiếu: *Chiến thắng Quảng Trị 1972 - Đòn giáng nặng nề vào chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Giải phóng Quảng Trị và chiến đấu bảo vệ thành Cô năm 1972: Nửa thế kỷ xây dựng, đổi mới và phát triển, Nxb.Quân đội nhân dân, H.2022, tr.698-699.

<sup>2</sup> Gabriel Kolko: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Người dịch: Nguyễn Tấn Cru, Nxb.Quân đội nhân dân, H.2004, tr.596.

chiến sự trong Bão táp 2 (từ ngày 2 đến 26-4) có những diễn biến phức tạp, ta chưa thể dứt điểm được các vị trí then chốt như Đông Hà, Ái Tử... Cũng ngày 17-4, Ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh gửi điện cho Xuân Thủy: “Việc duy trì diễn đàn Paris không phải ta yếu mà chính là dùng diễn đàn này phối hợp với chiến trường để đấu tranh với Mỹ”<sup>1</sup>.

Ngày 26-4-1972, Tổng thống Nixon tuyên bố quay trở lại bàn đàm phán. Qua tranh cãi, hai bên thống nhất cuộc gặp riêng giữa Lê Đức Thọ và Kissinger sau hơn 8 tháng sẽ được nối lại vào ngày 02-5-1972. Tại cuộc gặp này, phía Mỹ yêu cầu ta chấm dứt các cuộc tấn công, trở lại tình hình như trước ngày 30-3 nhưng bị ta bác bỏ. Lúc này, ta đang chiếm thế thượng phong trên chiến trường, bởi một ngày trước đó (01-5-1972), tỉnh Quảng Trị hoàn toàn giải phóng. “Đây là một cuộc họp nặng nề trong không khí căng thẳng của bom đạn đang gầm thét trên chiến trường. Hôm đó người ta không thấy ở Kissinger - một giáo sư đại học sôi nổi nói dài dòng hay bông đùa như trước, mà là một người ít nói, có vẻ ngượng nghịu, suy nghĩ. Còn Lê Đức Thọ đã được những tin đầu tiên thắng lợi ở Quảng Trị, địa đầu của miền Nam đang nóng lòng chờ kết quả cụ thể ở vùng đất miền Trung cũng như ở nhiều nơi khác”<sup>2</sup>. Ngày 08-5, Nixon đã rút lại yêu cầu rút toàn bộ lực lượng miền Bắc khỏi miền Nam Việt Nam như một điều kiện tiên quyết cho hiệp định hòa bình. Một trong những vấn đề mấu chốt quyết định đến kết quả hội nghị đã được phía Mỹ xuống nước trong khi trước đó chưa lâu Nixon còn gọi miền Bắc xâm lược miền Nam.

---

<sup>1, 2</sup> Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ, *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, Sđd, tr.515, 521.

Nhằm gây sức ép trên bàn đàm phán (sẽ nối lại vào ngày 10-7-1972), chính quyền Sài Gòn dự tính phải chiếm lại thành cổ Quảng Trị ngay trong đợt tấn công đầu tiên (từ ngày 3 đến 13-7). Tiếp theo, nhằm gây áp lực lớn hơn vào cuộc gặp dự tính vào ngày 18 hoặc ngày 27-7, quân đội Sài Gòn mở cuộc tấn công thứ hai (từ ngày 14 đến 27-7) nhằm chiếm thành cổ. Tuy nhiên, cả hai đợt tấn công đều bị ta đánh bại. Từ cuối tháng 7 đến tháng 9-1972, đôi phương còn mở tới 5 đợt tấn công nhằm chiếm lại thành cổ trước mỗi cuộc gặp giữa hai phái đoàn ở Paris. Do vậy, cuộc chiến giành và giữ thành cổ Quảng Trị là thước đo cho quyết tâm và ưu thế về chính trị của mỗi bên trên bàn đàm phán, như cố vấn Lê Đức Thọ đã mô tả lại, theo Kissinger: “Đứng về quân sự mà nói thì cả hai bên đánh nhau để giành giữ một cái thành cổ như vậy thì không ai đánh như thế cả. Thế mà hai bên cứ đánh nhau mãi. Tôi trả lời: Đó là vấn đề chính trị, đánh để giành thế mạnh về chính trị trong đàm phán thôi chứ còn đứng về quân sự thì không một ai vì một mảnh đất nhỏ đồ nát mà đánh như thế”<sup>1</sup>. Cái giá để chiếm lại thành cổ Quảng Trị của quân đội Sài Gòn ngày 16-9-1972 (so với dự tính ban đầu là ngày 13-7-1972) là quá lớn khi cả 2 sư đoàn chủ lực (dù và thủy quân lục chiến) đều bị thiệt hại nặng nề, khiến đôi phương không còn đủ sức tấn công tiếp lên phía bắc. Chiến dịch Lam Sơn 72A và các cuộc hành quân “Sóng thần” để “khôi phục” lại tình hình Quảng Trị như trước ngày 30-3-1972 đều không đạt được.

Để chuẩn bị cho cuộc gặp riêng giữa Lê Đức Thọ và

---

<sup>1</sup> Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Sửa lại cho đúng, bổ sung thêm cho rõ (Tuyển chọn từ Tạp chí Lịch sử quân sự)*, Nxb. Quân đội nhân dân, H.2006, tr.396.

Kissinger vào ngày 08 và 09-10-1972 (lần gặp thứ hai sau khi ta rút khỏi thành cô Quảng Trị), trong bối cảnh Mỹ gia tăng ném bom và rải mìn phong tỏa miền Bắc cùng tác động của những thay đổi trong quan hệ giữa các nước lớn sau khi Nixon thăm Trung Quốc và Liên Xô, kết hợp với tận dụng sức ép của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ sắp đến gần, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương “ra đòn quyết định”. Điện ngày 04-10-1972 của Hà Nội cho đoàn đàm phán Paris: “Yêu cầu lớn nhất của ta hiện nay là chấm dứt chiến tranh của Mỹ ở miền Nam. Mỹ rút hết, chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam và chấm dứt cuộc chiến tranh bằng không quân, hải quân, thả mìn chống miền Bắc... Đạt được yêu cầu này là một thắng lợi có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai miền trong điều kiện so sánh lực lượng hiện nay ở miền Nam Việt Nam... Những vấn đề ta chưa đạt được trong hiệp định này là do tình hình chưa cho phép đạt được, dù ta có tiếp tục đàm phán đến sau bầu cử ở Mỹ thì ta cũng không đạt được, nếu chưa có sự thay đổi mới trong so sánh lực lượng ở miền Nam Việt Nam. Nhưng nếu chấm dứt được sự dính líu quân sự ở miền Nam thì trong đấu tranh với nguy sau này ta có điều kiện để đạt được các vấn đề đó và giành thắng lợi lớn hơn”<sup>1</sup>. Do đó, phiên họp ngày 08-10-1972, phía ta đưa ra *Dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình*, gồm 10 chương và 20 điều, trong đó quan trọng nhất là ta rút bỏ yêu cầu loại bỏ Nguyễn Văn Thiệu. Trong hồi ký của mình, Kissinger khẳng định: “Hầu hết các đồng sự của tôi và tôi hiểu ngay tầm cỡ của những điều chúng tôi vừa nghe.

<sup>1</sup> Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ, *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, Sđd, tr.594-595.

Tôi yêu cầu ngừng phiên họp ngay. Lord (thành viên đoàn Mỹ) và tôi nắm tay nhau và tuyên bố: Chúng ta đã thành công!... Chúng ta đã đạt được điều mà chúng ta tìm kiếm: một nền hòa bình phù hợp với danh dự và trách nhiệm quốc tế của chúng ta”<sup>1</sup>. Từ thời điểm này, hai bên nhanh chóng đạt đến thỏa thuận nội dung dự thảo hiệp định và cả lịch trình ký kết.

#### **4. Việc hoãn ký hiệp định tháng 10-1972 do vấn đề khu phi quân sự**

Đến cuối tháng 10-1972, khi dự thảo hiệp định hoàn tất chỉ còn chờ ký chính thức thì vấn đề khu phi quân sự xuất hiện trở lại. Trong dự thảo đạt được ngày 20-10-1972, cả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ đều không đề cập gì đến vấn đề khu phi quân sự<sup>2</sup>. Tuy nhiên, trong những buổi làm việc với Kissinger tại Sài Gòn (từ ngày 18 đến 23-10-1972), Nguyễn Văn Thiệu đòi Mỹ trong hiệp định phải nhấn mạnh vấn đề khu phi quân sự nhằm làm nổi bật hai quốc gia, đòi hai miền tôn trọng lãnh thổ của nhau và đặc biệt là tôn trọng giới tuyến quân sự tạm thời. Đặt nặng vấn đề khu phi quân sự, chính quyền Sài Gòn hòng xem miền Nam là quốc gia riêng, phục vụ luận điệu tố cáo miền Bắc “xâm lược” miền Nam và ngăn cản sự chi viện từ miền Bắc cho cách mạng miền Nam<sup>3</sup>. Do sự chống đối của Thiệu, Nixon đã

<sup>1</sup> Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, Sđd, tr.608.

<sup>2</sup> Pierre Asselin: *Nền hòa bình mong manh. Washington - Hà Nội và tiến trình của Hiệp định Paris*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, tr. 291-305.

<sup>3</sup> Xem Nguyễn Phú Đức: *Những cuộc đàm phán về hòa bình Việt Nam*, người dịch: Đào Tuấn, Nxb.Công an nhân dân, H.2009, tr.469-485.



thành công trong việc trì hoãn thỏa thuận nhằm vượt qua cuộc bầu cử tổng thống vào ngày 07-11 nên kế hoạch ký kết hiệp định vào ngày 30 hoặc 31-10-1972 đã không diễn ra.

Những ngày đầu tháng 12-1972, đàm phán lại giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa diễn ra căng thẳng. Trong nhiều vấn đề đưa ra, tại Điều 10 của dự thảo ngày 20-10, Mỹ đòi hai miền phải tôn trọng khu phi quân sự. Ta bác bỏ đòi hỏi của Mỹ đồng thời đưa đề nghị: “Nhu Hiệp định Genève năm 1954 đã quy định, giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời, không phải là ranh giới về chính trị và lãnh thổ. Trong khi chờ đợi thống nhất, hai miền sẽ tôn trọng khu phi quân sự, sẽ thỏa thuận một quy chế khu phi quân sự và quy chế qua lại giới tuyến quân sự tạm thời”<sup>1</sup>. Vấn đề trở nên gay gắt. Phiên họp ngày 09-12-1972, Mỹ không đồng ý công thức ta đưa ra mà đề xuất sau khi ngừng bắn, hai miền Bắc Nam sẽ thảo luận việc “qua lại dân sự giới tuyến quân sự tạm thời”, tức là chỉ cho phép thường dân qua lại giới tuyến nhằm ngăn chặn ta đưa lực lượng quân sự chi viện cách mạng miền Nam. Ta bác bỏ đề xuất của Mỹ. Cũng trong ngày này, Bộ Chính trị điện cho đoàn đàm phán nói rõ: “Ta kiên quyết không ghi vấn đề khu phi quân sự theo cách của Mỹ vì như vậy sẽ đẻ ra nhiều vấn đề phức tạp. Đây là âm mưu rất lớn của Mỹ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành một nước riêng, tạo vấn đề cho Sài Gòn trở lại vấn đề “rút quân miền Bắc” về phía Bắc khu phi quân sự theo các điều khoản Hiệp định Genève 1954”<sup>2</sup>. Phiên họp ngày 12 và 13-12-1972 cũng

<sup>1</sup> Nguyễn Thành Lê: *Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973)*, Sđd, tr.138.

<sup>2</sup> Khắc Huỳnh, *Cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam - Tác động của*

không giải quyết được vấn đề. Đàm phán lâm vào bế tắc khi khác biệt giữa hai bên chỉ còn ở chữ “dân sự”. Khi Lê Đức Thọ và Kissinger trở về nước xin ý kiến, cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng cùng một số thành phố khác diễn ra trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 (từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972). Thất bại trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, Mỹ buộc phải quay lại bàn đàm phán Paris. Ngày 8 và 9-1-1973, ta và Mỹ thống nhất sử dụng công thức “qua lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời” trong Điều 15. Hiệp định Paris hoàn tất.

Sở dĩ vấn đề khu phi quân sự trở nên phức tạp trong những ngày cuối của cuộc đàm phán ngoài sự chống phá của chính quyền Sài Gòn còn do phía ta không nắm kỹ tình hình thực tế trên chiến trường kết hợp đối chiếu các điều khoản của dự thảo hiệp định. Sau cuộc tiến công chiến lược năm 1972, vùng giải phóng của ta đã mở rộng từ sông Hiền Lương vào đến sông Thạch Hãn. Lực lượng ta ở đây có quy mô một quân đoàn, gồm các sư đoàn 304, 320B, 325, 308 (đến tháng 12-1972 thay bằng Sư đoàn 312), chưa kể bộ đội địa phương Quảng Trị<sup>1</sup>. Khi Điều 3b của Hiệp định Paris quy định “các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình”<sup>2</sup>, tức là thừa nhận việc ta vẫn đóng quân trong vùng giải phóng Quảng Trị thì Điều 15 về việc xem giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền chỉ là tạm thời theo như Đoạn 6 Tuyên bố cuối cùng của

---

*những nhân tố quốc tế* (Sách tham khảo), Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2010, tr.220-221.

<sup>1</sup> Hoàng Chí Hiếu: *Khu phi quân sự - vĩ tuyến 17 (1954-1967)*, tái bản có bổ sung, Nxb.Thuận Hóa, Huế, 2019, tr.220-221.

<sup>2</sup> Nguyễn Thành Lê: *Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973)*, Sđd, tr.226.

Hội nghị Genève 1954 hoàn toàn không có giá trị trên thực tế. Bởi tại giới tuyến lúc này, một bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và bên kia là vùng giải phóng của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, do ta đặt quá cao vấn đề khu phi quân sự mà không chú ý thực tế này nên đã không có những nhân nhượng cần thiết, bỏ lỡ thời cơ ký kết Hiệp định Paris ngay trong tháng 12-1972. Về vấn đề này, Lê Đức Thọ - nhà đàm phán chính tại Hội nghị Paris - đã nói: “Tôi cho rằng vấn đề này (tức vấn đề khu phi quân sự) không có nghĩa lý gì. Quân của mình đóng 40km sâu trong vĩ tuyến 17 rồi và cả quân đoàn của mình cũng đã ở đó rồi... ý của đoàn (đàm phán) và của Hà Nội khác nhau điểm này, không thể điện mà ta phải về mới trình bày rõ được. Do điều kiện ở xa, thông tin cách trở nên khi thảo luận xong với Bộ Chính trị và Bộ Chính trị đồng ý thì nó (Mỹ) ném bom. Nó ném bom để gây sức ép vì nó cho rằng mình muốn kéo dài không muốn kết thúc đàm phán”<sup>1</sup>.

Như vậy, về mặt pháp lý, Quảng Trị - nơi có giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự ngay từ năm 1954 đã trở thành vấn đề thu hút sự chú ý của dư luận trong nước và quốc tế. Được “sinh ra” từ Hội nghị Genève 1954 và sự tồn tại được khẳng định là hai năm nhưng trên thực tế giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự kéo dài hơn 13 năm (1954-1967) và được chính thức “khai tử” tại Hội nghị Paris bằng Điều 3b của Hiệp định. Sau hơn 20 năm can thiệp (1950-1973), trong đó có 8 năm trực tiếp đưa quân vào tham chiến (1965-1973) với bao tổn thất nặng nề, cuối

---

<sup>1</sup> Khắc Huỳnh, *Cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam - Tác động của những nhân tố quốc tế* (Sách tham khảo), Sđd, tr.225.

cùng Mỹ phải cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

\*  
\* \*

Nhìn nhận lại trong những nhân tố đấu tranh quân sự tác động đến quá trình Hội nghị Paris, chúng ta có thể thấy rằng vấn đề chiến trường Quảng Trị có một vị trí quan trọng, diễn ra hầu như xuyên suốt cuộc đàm phán theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

*Một là*, là nơi chia cắt đất nước, chứng kiến sự đối đầu giữa dân tộc Việt Nam với sự can thiệp và xâm lược của Mỹ để đi đến thống nhất đất nước, chính thực tế Quảng Trị trong thời kỳ 1954-1975 ngay từ đầu tự thân đã là vấn đề mà bất cứ giải pháp ngoại giao nào cũng phải tính đến. Như diễn biến của cuộc đàm phán Paris (1968-1973) cho thấy, ở những vấn đề căn bản như sự thống nhất Việt Nam, việc rút hay không rút quân đội miền Bắc ra khỏi miền Nam chính là nội dung đàm phán căng thẳng nhất giữa hai bên. Chỉ khi đạt đến thỏa thuận về vấn đề này, mọi trở ngại cho hiệp định chính thức mới được khai thông.

*Hai là*, nếu xem ngoại giao phản ánh cục diện chiến trường thì Quảng Trị chính là nơi đo chính xác nhất của “hàn thử biểu” cuộc đàm phán Paris. Mọi diễn biến lớn tại chiến trường này có liên quan chặt chẽ và tác động mạnh đến bàn đàm phán, trước, trong và sau khi đưa ra quyết định cụ thể nào đó theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Tùy theo tình thế trên chiến trường miền Nam nói chung, đặc biệt chiến trường Quảng Trị nói riêng,

mà nhịp độ đàm phán tăng hay giảm, thái độ của bên đàm phán sẽ là cương hay trầm lắng. Gắn với mỗi chiến thắng trên chiến trường Quảng Trị, tại bàn hội nghị sẽ có những diễn biến thuận lợi cho các nhà đàm phán Việt Nam. Trong bối cảnh có những chuyển biến lớn trong quan hệ quốc tế theo chiều hướng bất lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, thực tế chiến trường trong năm 1972 (nhất là sau khi đối phương đã chiếm lại thành cổ Quảng Trị ngày 16-9) là một cơ sở quan trọng để ta chủ động đưa ra dự thảo hiệp định (8-10-1972), trong đó rút bỏ yêu cầu loại bỏ Nguyễn Văn Thiệu (cũng như chủ trương giải quyết vấn đề chính trị trong khuôn khổ của miền Nam), đã phá vỡ bế tắc của cuộc đàm phán kéo dài hơn bốn năm. Tiến trình của cuộc hòa đàm đi vào giai đoạn cuối.

*Ba là*, những bế tắc của cuộc đàm phán khiến cơ hội ký kết hiệp định đã hai lần bị bỏ qua (cuối tháng 10 và giữa tháng 12-1972). Điểm nghẽn của sự bế tắc này chính là sự bất đồng giữa hai bên về vấn đề giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự tại vĩ tuyến 17. Dù chỉ là vấn đề mang tính thủ tục bởi lúc này hai bên giới tuyến quân sự tạm thời đã hoàn toàn do ta kiểm soát nhưng chính tâm quan trọng của khu vực này trong việc quyết định đến sự tồn tại tiếp theo của Việt Nam Cộng hòa sau khi ký kết hiệp định mà cách đặt vấn đề của phái đoàn Mỹ (theo yêu cầu của chính quyền Sài Gòn) khiến hai bên không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cuộc đàm phán bị gián đoạn. Sự kiện “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 dù đã được phía Mỹ lên kế hoạch từ trước nhưng liệu sẽ có cơ hội thực hiện nếu ta có những nhân nhượng cần thiết (về từ ngữ liên quan đến việc

qua lại giới tuyến quân sự tạm thời) trong cuộc gặp ngày 13-12-1972?

*Bốn là*, trong những năm 1966-1973, chiến trường Quảng Trị và bàn đàm phán Paris là hai nơi đụng đầu trực tiếp giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ theo đúng nghĩa đen và nghĩa bóng. Trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán, mặt trận nóng bỏng hay tranh luận nảy lửa, mỗi chiến sĩ cũng như nhà ngoại giao đều tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ của mình để đối đầu và giành thắng lợi trước bộ máy quân sự khổng lồ hay những chuyên gia đối ngoại lão luyện của nền ngoại giao nước lớn. Ở khía cạnh này, mặt trận quân sự và đấu tranh ngoại giao đã có sự phối hợp chặt chẽ để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nói một cách khác, để đi đến những mốc đánh dấu sự xuống thang, nhượng bộ của Hoa Kỳ là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố khách quan lẫn chủ quan, mà trong đó những diễn biến trên chiến trường Quảng Trị ghi dấu ấn đậm nét trong tiến trình của Hội nghị Paris.